

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN

□□□

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Chuyên ngành:**

1. *Quản trị thương mại điện tử*
2. *Marketing kỹ thuật số (Digital marketing)*
3. *Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số*
4. *Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số*
5. *Quản trị Tài chính số*
6. *Quản trị dự án CNTT*
7. *Chương trình toàn cầu*

**(Áp dụng cho khoá tuyển sinh 2022)**

**Cơ quan chủ trì:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ  
TRUYỀN THÔNG VIỆT HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Địa chỉ:** Khu đô thị Đại học Đà Nẵng,  
470 Đường Trần Đại Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ  
Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

**Điện thoại:** 0236 3667131

**Fax:** 0236 3667117

**Website:** <http://www.vku.udn.vn/>

*Đà Nẵng, năm 2022*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <i>Quản trị thương mại điện tử</i></li> <li>▪ <i>Marketing kỹ thuật số</i></li> <li>▪ <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số</i></li> <li>▪ <i>Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số</i></li> <li>▪ <i>Quản trị dự án CNTT</i></li> <li>▪ <i>Quản trị tài chính số</i></li> </ul>
2.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Business Administration
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7340101
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	125
9.	Thang điểm:	Thang điểm 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 125 tín chỉ;</li> <li>- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường;</li> <li>- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.</li> </ul>
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	Sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc: <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b><i>Quản trị Thương mại điện tử</i></b></li> <li>1. Trợ lý thương mại điện tử.</li> <li>2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử.</li> <li>3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử.</li> <li>4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử.</li> </ul>

	<p>5. Biên tập viên thương mại điện tử.</p> <p>6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử.</p> <p>7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử.</p> <p>8. Quản lý sản phẩm trực tuyến.</p> <p><b>* Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)</b></p> <p>Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing) có thể</p> <p><b>Thực hiện tốt các công việc đa dạng như:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Triển khai các chiến dịch quảng bá và xây dựng thương hiệu qua các công cụ Digital Marketing.</li> <li>▪ Xây dựng chiến lược Marketing cho sản phẩm, lĩnh vực của công ty trên các phương tiện truyền thông kỹ thuật số.</li> <li>▪ Lập kế hoạch, điều phối, phối hợp với Content Marketing để phát triển các kênh Marketing Online đảm bảo mục tiêu.</li> <li>▪ Lập kế hoạch SEO, SEM, Google Adwords; tối ưu hóa thứ hạng của Website trên các trang tìm kiếm.</li> <li>▪ Thu thập, phân tích thông tin thị trường, thông tin về sản phẩm, thông tin về các chương trình Digital Marketing, social media để đánh giá hiệu quả.</li> </ul> <p>- <b>Đảm nhận tốt những vị trí công việc chuyên sâu như:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chuyên viên/ nhà quản trị marketing số.</li> <li>▪ Chuyên viên/ nhà quản trị marketing nội dung số</li> <li>▪ Nhà quản lý và tư vấn DN về marketing số</li> <li>▪ Chuyên viên/nhà quản trị phát triển SEO, SEM</li> <li>▪ Nhà phân tích chiến dịch marketing</li> <li>▪ Chuyên gia marketing truyền thông xã hội</li> <li>▪ Nhà nghiên cứu thị trường trong môi trường số</li> <li>▪ Chuyên viên/ nhà quản trị thương hiệu</li> <li>▪ Chuyên viên/ nhà quản trị truyền thông trong môi trường số .</li> <li>▪ Nhân viên/ nhà quản trị bán hàng và marketing trực tuyến (Sales &amp; marketing online)</li> <li>▪ Chuyên viên/nhà quản trị quan hệ khách hàng</li> </ul> <p><b>* Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số</b></p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí:</p>
--	---

- Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế...

- Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

- Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.

**\* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics & Chuỗi cung ứng

- Khởi nghiệp và thành đạt trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics & chuỗi cung ứng

- Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.

- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo.

**\* Quản trị tài chính số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị tài chính số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Chuyên viên tại các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý các dự án công nghệ tại các tổ chức tài chính.

- Chuyên viên bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và chứng khoán.

- Chuyên viên bộ phận phát triển sản phẩm dịch vụ tại các công ty khởi nghiệp tài chính số, hoặc tự thành lập doanh nghiệp tài chính số cho bản thân.

- Chuyên viên quản lý phát triển kinh tế số, công nghệ tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng nhà

	<p>nước, Sở tài chính, Sở KHCN và các cơ quan ban ngành khác.</p> <p><b>* Quản trị Dự án CNTT</b></p> <p>Sinh viên tốt nghiệp từ chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>2. Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>3. Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>4. Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>5. Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin</li> </ol> <p>Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin.</p>
13. Khả năng nâng cao trình độ:	<p>Sinh viên theo học Ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước</p>

## B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

### I. Triết lý giáo dục

#### “Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng”

*Nhân bản:* Nhân là người, bản là gốc. Nhân là cái gốc của đạo làm người. Nhân bản là những đức tính chính yếu của một con người. Từ lúc sinh ra, bản chất con người chính là sự lương thiện. Giáo dục nhân bản hướng đến con người trưởng thành lương thiện, đạo đức trong xã hội và nghề nghiệp.

*Phụng sự:* Từ tâm hết lòng hết sức phục vụ. Ở đây là phụng sự cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo; cho sự phát triển và hạnh phúc của con người, tổ quốc và nhân loại.

*Khai phóng:* Khai minh và Giải phóng. Khai Minh là thu nạp kiến thức để mở mang hiểu biết, phá vỡ những hiểu biết sai lầm và dung nạp kiến thức mới. Khai minh cũng có nghĩa là khai mở sự sáng hoặc chiếu ánh sáng vào những nơi còn mù mờ. Giáo dục khai phóng (Liberal Education) là một nền giáo dục giải phóng trí tuệ con người để theo đuổi những chân lý mà không bị phủ mờ bởi giáo điều, ý thức hệ hay những định kiến. Người được giáo dục một cách khai phóng có tư duy độc lập, tư duy rộng và mở, và không dễ bị lũng đoạn, không dễ thành kiến hay định kiến.

### II. Tâm nhìn

Trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của cả nước về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan theo mô hình quản trị tiên tiến, trường học thông minh, hiện đại.

### III. Sứ mạng

Chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế.

### C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PO và PLO)

#### I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

##### 1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng đào tạo những cử nhân ngành Quản trị kinh doanh:

PO1: Có đạo đức tốt để làm việc và có ích cho cộng đồng.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện và chuyên sâu về quản lý hoạt động kinh doanh như marketing, thương mại điện tử, tài chính và khởi nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

**PO4A (QT TMBT):** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thương mại điện tử, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp.

**PO4B (Digital Marketing)/Chương trình toàn cầu:** Có kiến thức chuyên sâu về marketing, digital marketing; có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ digital marketing để giải quyết các tình huống kinh doanh cụ thể cũng như xây dựng, triển khai, đo lường và đánh giá hiệu quả chiến lược marketing trong nền kinh tế số.

**PO4C (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số):** Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch & các đơn vị dịch vụ khác; xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing du lịch, phát triển tuyến điểm du lịch, quản trị điểm đến, quản lý dịch vụ du lịch hiệu quả trên nền tảng số.

**PO4D (Quản trị E-logistics và chuỗi cung ứng số):** Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ chuyên sâu trong hoạt động Logistics và Quản

lý chuỗi cung ứng; Phát triển năng lực khởi nghiệp & đổi mới sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề về chuyên môn và xã hội.

**PO4E (Quản trị dự án CNTT):** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị dự án Công nghệ thông tin, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp.

**PO4F (Quản trị tài chính số):** Có kiến thức chuyên sâu về tài chính, công nghệ tài chính; có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tài chính, ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các tình huống kinh doanh cụ thể cũng như ứng dụng các công nghệ blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... có thể đổi mới trong hoạt động tài chính trong bối cảnh nền kinh tế số.

## **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng:

### **PLO1: Có ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.**

PI1.1. Thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp.

PI1.2. Thể hiện các quy định pháp luật trong kinh doanh.

PI1.3. Có trách nhiệm nghề nghiệp.

**PLO2: Vận dụng kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật và quản trị kinh doanh để đánh giá những thay đổi của môi trường và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.**

PI2.1. Diễn giải các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên, xã hội và chính trị, kinh tế và quản lý.

PI2.2. Phân tích các tình huống nảy sinh khi vận hành các doanh nghiệp và Đề xuất các giải pháp xử lý.

**PLO3: Phát triển tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng mềm và có năng lực học tập suốt đời.**

PI3.1. Đề xuất ý tưởng khởi nghiệp có tính khả thi

PI3.2. Áp dụng kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian 1 cách hiệu quả trong công việc

PI3.3. Phát triển năng lực học tập suốt đời.

**PLO4: Có khả năng sử dụng Tiếng Anh tốt trong lĩnh vực kinh doanh (Đạt chuẩn Tiếng Anh tương đương TOEIC 500).**

PI4.1. Đạt trình độ tương đương chứng chỉ TOEIC 500 điểm.

PI4.2: Diễn giải tài liệu chuyên ngành.

PI4.3: Giao tiếp, làm việc và xử lý thành thạo các tình huống kinh doanh trong môi trường quốc tế bằng ngôn ngữ tiếng Anh

**PLO5: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng hiệu quả các phần mềm đồ họa ứng dụng, công cụ thống kê để phục vụ hoạt động kinh doanh;**

PI5.1. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

PI5.2. Thiết kế được các ấn phẩm và sử dụng thành thạo các công cụ thống kê phục vụ hoạt động kinh doanh

**\* Đối với chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử**

**PLO6A: Vận dụng kiến thức pháp luật và các kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử để giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp;**

PI6.1A: Vận dụng kiến thức pháp luật khi điều hành doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh điện tử.

PI6.2A: Giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng các kiến thức về thương mại điện tử.

**PLO7A: Vận dụng được các quy trình quản lý, kinh doanh; Thiết kế, vận hành và quản trị website thương mại điện tử và triển khai các hoạt động tác nghiệp trong thương mại điện tử**

PI7.1A: Vận dụng được các quy trình quản lý, kinh doanh trong Thương mại điện tử.

PI7.2A: Có khả năng thiết kế, vận hành và quản trị website thương mại điện tử;

PI7.3A: Xây dựng và triển khai các hoạt động tác nghiệp trong thương mại điện tử;.

**\* Đối với chuyên ngành Digital Marketing/Chương trình toàn cầu:**

**PLO6B: Sử dụng thành thạo các công cụ digital marketing một cách hiệu quả trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp;**

PI6.1. Thiết kế các hoạt động truyền thông marketing dựa trên công cụ truyền thông kỹ thuật số.

PI6.2. Phân tích hiệu quả việc sử dụng các công cụ trong digital marketing.

**PLO7B: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về marketing, digital marketing trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hiệu quả chiến lược marketing trên nền tảng kỹ thuật số.**

PI7.1B. Đánh giá nhu cầu, hành vi người tiêu dùng.

PI7.2B. Đề xuất hệ thống các giải pháp cho chiến lược digital marketing.

PI7.3B. Lựa chọn tổ hợp các công cụ digital marketing.

**\* Đối với Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số**

**PLO6C: Vận dụng kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử, kinh tế, các tuyến điểm du lịch để phân tích, đánh giá và hoạch định chiến lược kinh doanh du lịch và lữ hành.**



PI6.1C. Phân tích và đánh giá chiến lược kinh doanh du lịch và lữ hành.

PI6.2C. Có khả năng xây dựng tuyến điểm và tổ chức lãnh thổ du lịch trên cơ sở vận dụng các kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử.

**PLO7C: Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, xây dựng và cung ứng các dịch vụ du lịch và lữ hành; nắm vững quy trình xây dựng và thiết kế sản phẩm tour, điều hành tour du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch trên nền tảng số.**

PI7.1. Có khả năng phân tích và đánh giá tâm lý, hành vi tiêu dùng của du khách trong kinh doanh dịch vụ du lịch trên nền tảng số.

PI7.2. Lập kế hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, thiết kế và điều hành tour du lịch.

PI7.3. Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến và bán sản phẩm du lịch trên nền tảng số.

**\* Đối với chuyên ngành Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

**PLO6D: Có khả năng giải quyết vấn đề và đề xuất được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng trên nền tảng số nhằm khai thác các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh và xã hội.**

PI6.1D. Có khả năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng trên nền tảng số nhằm khai thác các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh và xã hội.

PI6.2D. Có khả năng phân tích, đánh giá, phản biện và đề xuất được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực Logistics và Chuỗi Cung ứng trên nền tảng số.

**PLO7D: Có khả năng thực nghiệm, khai thác thông tin trong quản trị Logistics và vận hành chuỗi cung ứng trên nền tảng số; thực hiện các nghiệp vụ mua bán và thanh toán quốc tế.**

PI7.1D. Có khả năng điều tra, thực nghiệm và khai thác thông tin trong quản trị Logistics và vận hành chuỗi cung ứng trên nền tảng số.

PI7.2D. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ mua bán và thanh toán quốc tế.

**\* Đối với chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ Thông tin**

**PLO6E: Có khả năng lập và quản trị được dự án công nghệ thông tin, xây dựng được hồ sơ đấu thầu dự án.**

PI6.1E: Có khả năng lập được dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin và xây dựng được hồ sơ đấu thầu dự án.

PI6.2E: Có khả năng quản trị được dự án công nghệ thông tin, bao gồm cả quản trị rủi ro và quản trị chất lượng.

**PLO7E: Có khả năng sử dụng được các công cụ thiết kế, phần mềm trong quản lý dự án công nghệ thông tin.**

**\* Đối với chuyên ngành Quản trị Tài chính số (Fintech)**

**PLO6F. Vận dụng được các kiến thức về tài chính, kế toán, ngoại hối, thanh toán quốc tế, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; lập và phân tích được báo**

### **cáo tài chính.**

▪ PI6.1F. Vận dụng được các nguyên tắc về tài chính, kế toán, ngoại hối, thanh toán quốc tế, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp.

▪ PI6.2F. Có khả năng lập và phân tích được báo cáo tài chính.

▪ **PLO7F. Có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý tài chính, các hoạt động rủi ro tài chính, các hoạt động đầu tư kinh doanh, thị trường tài chính; phân tích, đánh giá dữ liệu lớn trong tài chính.**

▪ PI7.1F. Có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý tài chính, các hoạt động rủi ro tài chính, các hoạt động đầu tư kinh doanh, thị trường tài chính.

▪ PI7.2F. Có khả năng quản lý, phân tích, đánh giá dữ liệu lớn trong tài chính.

### **Ghi chú:**

▪ *PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5 là dành cho ngành Quản trị kinh doanh,*  
 ▪ *PLO6A, PLO7A dành cho chuyên ngành Quản Trị Thương Mại Điện Tử.*  
 ▪ *PLO6B, PLO7B dành cho chuyên ngành Digital Marketing/Chương trình toàn cầu*

▪ *PLO6C, PLO7C dành cho CN Quản Trị Du lịch và lữ hành số*

▪ *PLO6D, PLO7D dành cho CN Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số*

▪ *PLO6E, PLO7E dành cho chuyên ngành Quản trị Dự án CNTT*

▪ *PLO6F, PLO7F dành cho chuyên ngành Quản trị Tài chính số*

### **III. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học**

#### **1. Cơ hội việc làm**

#### **\* Quản trị Thương Mại Điện tử**

Sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh \_chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc:

1. Trợ lý thương mại điện tử.
2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử.
3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử.
4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử.
5. Biên tập viên thương mại điện tử.
6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử.
7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử.
8. Quản lý sản phẩm trực tuyến.

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về thương mại điện tử.

#### **\* Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)**

Sinh viên chuyên ngành Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing) và chương trình cử nhân toàn cầu được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên và nhà quản trị marketing trong môi trường kỹ thuật số trong các tổ chức khác nhau như là các cơ quan Nhà nước; các tổ chức phi chính phủ; các doanh nghiệp và tổ chức (Client); các công ty chuyên cung ứng dịch vụ Marketing (Agency) như công ty tư vấn Marketing; công ty cung ứng dịch vụ trên nền tảng số.

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo chuyên ngành Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing) có thể:

– ***Thực hiện tốt các công việc đa dạng như:***

- Triển khai các chiến dịch quảng bá và xây dựng thương hiệu qua các công cụ Digital Marketing.
- Xây dựng chiến lược Marketing cho sản phẩm, lĩnh vực của công ty trên các phương tiện truyền thông kỹ thuật số.
- Lập kế hoạch, điều phối, phối hợp với Content Marketing để phát triển các kênh Marketing Online đảm bảo mục tiêu.
- Lập kế hoạch SEO, SEM, Google Adwords; tối ưu hóa thứ hạng của Website trên các trang tìm kiếm.
- Thu thập, phân tích thông tin thị trường, thông tin về sản phẩm, thông tin về các chương trình Digital Marketing, social media để đánh giá hiệu quả.

– ***Đảm nhận tốt những vị trí công việc chuyên sâu như:***

- Chuyên viên/ nhà quản trị marketing số.
- Chuyên viên/ nhà quản trị marketing nội dung số
- Nhà quản lý và tư vấn doanh nghiệp về marketing số
- Chuyên viên/nhà quản trị phát triển SEO, SEM
- Nhà phân tích chiến dịch marketing
- Chuyên gia marketing truyền thông xã hội
- Nhà nghiên cứu thị trường trong môi trường số
- Chuyên viên/ nhà quản trị thương hiệu
- Chuyên viên/ nhà quản trị truyền thông trong môi trường số .
- Nhân viên/ nhà quản trị bán hàng và marketing trực tuyến
- Chuyên viên/nhà quản trị quan hệ khách hàng
- Giảng dạy, nghiên cứu về digital marketing tại các trường đại học, cao đẳng

***\* Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số***

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí:

- Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế...

- Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

- Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.

**\* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics & Chuỗi cung ứng

- Khởi nghiệp trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics & chuỗi cung ứng

- Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.

- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo.

**\* Quản trị tài chính số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị tài chính số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Chuyên viên tại các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý các dự án công nghệ tại các tổ chức tài chính.

- Chuyên viên bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và chứng khoán.

- Chuyên viên bộ phận phát triển sản phẩm dịch vụ tại các công ty khởi nghiệp tài chính số, hoặc tự thành lập doanh nghiệp tài chính số cho bản thân.

- Chuyên viên quản lý phát triển kinh tế số, công nghệ tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng nhà nước, Sở tài chính, Sở KHCN và các cơ quan ban ngành khác.

**\* Quản trị Dự án CNTT**

Sinh viên tốt nghiệp từ chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc:

- Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin.

- Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin.

- Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin.

- Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin.

- Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin.

**2. Khả năng học tập sau đại học**

Sinh viên theo học Ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước.

## **VI. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **1. Tiêu chí tuyển sinh**

CTĐT ngành Quản trị kinh doanh chấp nhận các thí sinh đảm bảo những điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Đăng ký xét tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt-Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định.

3. Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn.

### **2. Quá trình đào tạo**

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT và trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông Việt Hàn. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng 8) và học kỳ hè (từ tháng 6). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, các kiến thức chuyên ngành được học trong 4 học kỳ tiếp theo.

### **3. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 125 tín chỉ;

2. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;

3. Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường;

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền Thông.

4. Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.

## **D. CẤU TRÚC VÀ KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Cấu trúc CTĐT được chia thành 4 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 1.

**Bảng 1. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

Số TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
I	Khối kiến thức chung	31	0
II	Khối kiến thức tăng cường	8	0
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	40	0
III	Khối kiến thức chuyên ngành	26	10
	Tổng	115	10

**Ghi chú:** Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và ngoại ngữ.

**II. Khung chương trình đào tạo****Bảng 2. Khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh**

Số TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>29</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>31</b>	<b>31</b>	<b>0</b>	
1	DE1001	Tin học đại cương	2	1	0	3	3	0	
2	SS1001	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	3	0	
3	SS1002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	0	2	2	0	
4	SS1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	2	0	
5	SS1004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	2	0	
6	SS1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	2	0	
7	SS1006	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	2	0	
8	ENG-ELE1	Tiếng Anh 1	3	0	0	3	3	0	
9	ENG-ELE2	Tiếng Anh 2	2	0	0	2	2	0	
10	ENG-ELE2	Tiếng Anh 3	2	0	0	2	2	0	
11	DE1002	Khởi nghiệp & Đổi mới sáng tạo	2	0	0	2	2	0	
12	DE1003	Đạo đức trong kinh doanh	2	0	0	2	2	0	
13	NS1013	Xác suất thống kê	2	0	0	2	2	0	
14	DE1004	Nhập môn ngành & kỹ năng mềm	1	1	0	2	2	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức tăng cường</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	
15	DE2020	Tiếng Anh chuyên ngành 1	1	1	0	2	2	0	
16	DE2021	Tiếng Anh chuyên ngành 2	1	1	0	2	2	0	
17	FL2018	Tiếng Anh nâng cao 1	1	1	0	2	2	0	
18	FL2019	Tiếng Anh nâng cao 2	1	1	0	2	2	0	
<b>III</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>37</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	
19	DE2001	Khởi sự kinh doanh	3	0	0	3	3	0	
20	DE2002	Kinh doanh quốc tế	3	0	0	3	3	0	

21	DE2003	Quản trị học	3	0	0	3	3	0	
22	DE2004	Kinh tế vĩ mô	2	0	0	2	2	0	
23	DE2005	Kinh tế vi mô	2	0	0	2	2	0	
24	DE2006	Marketing căn bản	3	0	0	3	3	0	
25	DE2007	Luật kinh doanh	2	0	0	2	2	0	
26	DE2008	Thống kê kinh doanh	3	0	0	3	3	0	
27	DE2009	Nguyên lý kế toán	3	0	0	3	3	0	
28	DE2010	Quản trị tài chính	3	0	0	3	3	0	
29	DE2011	Kỹ thuật đồ họa ứng dụng	2	1	0	3	3	0	
30	DE2012	Quản trị nguồn nhân lực	3	0	0	3	3	0	
31	DE2013	Hệ thống thông tin quản lý	2	0	0	2	2	0	
32	NS1014	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	0	0	3	3	0	
33	DE2015	Đề án 1	0	1	0	1	1	0	
34	DE2016	Đề án 2	0	1	0	1	1	0	
<b>IV</b>	<b>Kiến thức Chuyên ngành</b>		<b>22</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>26</b>	<b>10</b>	

### **QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

<b>4.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>		<b>13</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	
<b>4.1.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
35	DE2022	Phương pháp NCKH trong kinh doanh	1	1	0	2	2	0	
36	DE2023	Quản trị chuỗi cung ứng	2	0	0	2	2	0	
37	DE2024	Digital Marketing	2	0	0	2	2	0	
38	DE2025	Quản trị quan hệ khách hàng	1	1	0	2	2	0	
39	DE2026	Thương mại điện tử	3	0	0	3	3	0	
40	DE2027	Đề án 3	0	1	0	1	1	0	
<b>4.1.2</b>	<b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
41	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
42	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
43	DE2028	Hành vi người tiêu dùng	2	0	0	2	0	2	



44	DE2029	Truyền thông Marketing tích hợp cơ bản	2	0	0	2	0	2	
45	DE2030	Quản trị bán hàng	1	1	0	2	0	2	
46	DE2031	Chuyên đề 1	1	1	0	2	0	2	
<b>4.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>14</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	
<b>4.2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>7</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	
47	DE2032	An toàn và bảo mật trong TMDT	1	1	0	2	2	0	
48	DE2033	Thiết kế Website Thương mại điện tử 1	1	1	0	2	2	0	
49	DE2034	Thiết kế Website Thương mại điện tử 2	1	1	0	2	2	0	
50	DE2035	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	1	1	0	2	2	0	
51	DE2036	Quản trị thương hiệu	2	0	0	2	2	0	
52	DE2037	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	1	1	0	2	2	0	
53	DE2038	Đề án 4	0	1	0	1	1	0	
54	DE2039	Đề án 5	0	1	0	1	1	0	
<b>4.2.2</b>	<b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ)</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
55	DE2040	Thanh toán điện tử	1	1	0	2	0	2	
56	DE2041	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	0	0	2	0	2	
57	DE2042	Thương mại di động (Mobile Commerce)	2	0	0	2	0	2	
58	DE2043	Thương mại qua Facebook (Facebook Commerce)	1	1	0	2	0	2	
59	DE2044	Chuyên đề 2	1	1	0	2	0	2	

### MARKETING KỸ THUẬT SỐ (DIGITAL MARKETING)/CHƯƠNG TRÌNH TOÀN CẦU

<b>IV</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>								
<b>4.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>		<b>14</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	
<b>4.1.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành bắt buộc</b>		<b>11</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>12</b>		
35	DE2028	Hành vi người tiêu dùng	3	0	0	3	3	0	
36	DE2045	Truyền thông marketing tích hợp (IMC)	3	0	0	3	3	0	
37	DE2046	Nghiên cứu marketing	3	0	0	3	3	0	

38	DE2024	Digital marketing	2	0	0	2	2	0	
39	DE2047	Đề án 3	0	1	0	1	1	0	
<b>4.1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành tự chọn (tối thiểu 4 tín chỉ)</b>		<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
40	DE2022	Phương pháp NCKH trong kinh doanh	1	1	0	2	0	2	
41	DE2036	Quản trị thương hiệu	2	0	0	2	0	2	
42	DE2048	Quản trị Marketing	2	0	0	2	0	2	
43	DE2049	Chiến lược Marketing	2	0	0	2	0	2	
44	DE2050	Marketing dịch vụ	2	0	0	2	0	2	
45	DE2051	Phát triển sản phẩm mới	2	0	0	2	0	2	
46	DE2052	Thương mại điện tử cơ bản	2	0	0	2	0	2	
47	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
48	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
<b>4.2</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành</b>		<b>9</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>06</b>	
<b>4.2.1</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>		<b>6</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	
49	DE2053	Marketing bằng công cụ tìm kiếm	1	1	0	2	2	0	
50	DE2054	Phân tích Marketing số	1	1	0	2	2	0	
51	DE2055	Marketing nội dung	1	1	0	2	2	0	
52	DE2056	Marketing truyền thông xã hội	1	1	0	2	2	0	
53	DE2057	Quảng cáo hiển thị và video	1	1	0	2	2	0	
54	DE2058	Chuyên đề 1	1	1	0	2	2	0	
55	DE2059	Đề án 4	0	1	0	1	1	0	
56	DE2060	Đề án 5	0	1	0	1	1	0	
<b>4.2.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (tối thiểu 6 tín chỉ)</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
57	DE2025	Quản trị quan hệ khách hàng	1	1	0	2	2	2	
58	DE2061	Marketing thư điện tử	1	1	0	2	2	2	
59	DE2062	Chuyên đề 2	1	1	0	2	2	2	
60	DE2063	Hoạch định & tích hợp chiến lược digital marketing	2	0	0	2	2	2	

61	DE2064	Quản trị trải nghiệm khách hàng	2	0	0	2	2	2	
<b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (tối thiểu 6 tín chỉ) đối với CT toàn cầu</b>									
62	DE2025	Quản trị quan hệ khách hàng	1	1		2	0	2	
63	MALT	Marketing lan truyền (Viral Marketing)	2	0	0	2	0	2	
64	W3XHM A	Web 3.0 và xu hướng mới nổi trong Marketing số	2	0	0	2	0	2	
65	DE2063	Hoạch định & Tích hợp chiến lược digital marketing (Digital Marketing: Strategic Planning & Integration)	2	0	0	2	0	2	
66	DE2064	Quản trị trải nghiệm khách hàng (Customer experience management)	2	0	0	2	0	2	
76	DE2025	Quản trị quan hệ khách hàng	1	0	0	2	0	2	

#### QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH SỐ

<b>IV</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>								
<b>4.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>		<b>16</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>	
<b>4.1.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	
35	DE2083	Tổng quan về du lịch	2	0	0	2	2	0	
36	DE2084	Văn hóa du lịch	3	0	0	3	3	0	
37	DE2085	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	0	0	2	2	0	
38	DE2099	Hành vi tiêu dùng du lịch	3	0	0	3	3	0	
39	DE2052	Thương mại điện tử cơ bản	2	0	0	2	2	0	
40	DE2087	Đề án 3	<b>0</b>	1	0	1	1	0	
<b>4.1.2</b>	<b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
41	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
42	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	

43	DE2088	Marketing du lịch	2	0	0	2	0	2	
44	DE2089	Xúc tiến du lịch	2	0	0	2	0	2	
45		Du lịch trực tuyến	2	0	0	2	0	2	
46	DE2022	Phương pháp NKCH trong kinh doanh	1	1	0	2	0	2	
47	DE2091	Chuyên đề 1_Du lịch thông minh (Smart Tourism)	1	1	0	2	0	2	
<b>4.2</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành</b>		<b>13</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	<b>19</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>10</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	
48	DE2041	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	0	0	2	2	0	
49	DE2024	Digital marketing	2	0	0	2	2	0	
50	DE2093	Quản trị kinh doanh lễ hành	2	0	0	2	2	0	
51	DE2094	Quản trị tổ chức sự kiện du lịch	3	0	0	3	3	0	
52	DE2095	Nghiệp vụ lễ hành	1	1	0	2	2	0	
53	DE2096	Đề án 4	0	1	0	1	1	0	
54	DE2097	Đề án 5	0	1	0	1	1	0	
<b>4.2.2</b>	<b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ)</b>				<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
55	DE2098	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2	0	0	2	0	2	
56	DE2100	Thiết kế website thương mại điện tử	1	1	0	2	0	2	
57	DE2040	Thanh toán điện tử	1	1	0	2	0	2	
58	DE2101	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	1	1	0	2	0	2	
59	DE2102	Chuyên đề 2_Du lịch bền vững	1	1	0	2	0	2	
<b>QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG SỐ</b>									
<b>IV</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>								
<b>4.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>		<b>12</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	
<b>4.1.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>8</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
35	DE2065	Quản trị xuất nhập khẩu	2	0	0	2	2	0	
36	DE2066	Nhập môn E-logistics	3	0	0	3	3	0	

37	DE2023	Quản trị chuỗi cung ứng	2	0	0	2	2	0	
38	DE2067	Cơ sở dữ liệu	1	1	0	2	2	0	
39	DE2068	Thực hành mô phỏng trong Logistics	0	2	0	2	2	0	
40	DE2069	Đề án 3_CN Logistics	0	1	0	1	1	0	
<b>4.1.2</b>	<b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
41	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
42	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
43	DE2052	Thương mại điện tử cơ bản	2	0	0	2	0	2	
44	DE2070	Quản trị dự án	2	0	0	2	0	2	
45	DE2071	Mua sắm điện tử	1	1	0	2	0	2	
46	DE2022	Phương pháp NKCH trong kinh doanh	1	1	0	2	0	2	
47	DE2072	Chuyên đề 1_Logistics	1	1	0	2	0	3	
<b>4.2</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành</b>		<b>14</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	
<b>4.2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	
48	DE2073	Quản trị kho hàng	2	0	0	2	2	0	
49	DE2037	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	1	1	0	2	2	0	
50	DE2074	Tổ chức vận tải đa phương thức	2	0	0	2	2	0	
51	DE2075	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	1	1	0	2	2	0	
52	DE2076	An toàn và bảo mật trong E-logistics	2	0	0	2	2	0	
53	DE2077	Khai phá và lưu trữ dữ liệu Logistics	1	1	0	2	2	0	
54	DE2078	Đề án 4_CN Logistics	0	1	0	1	1	0	
55	DE2079	Đề án 5_CN Logistics	0	1	0	1	1	0	
<b>4.2.2</b>	<b>Học phần tự chọn (6 tín chỉ)</b>				<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
56	DE2080	Nhà máy thông minh và Quản trị vận hành	2	0	0	2	0	2	
57	DE2041	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	0	0	2	0	2	
58	DE2081	Quản trị nguyên vật liệu	2	0	0	2	0	2	
59	DE2082	Chuyên đề 2_Logistics	1	1	0	2	0	2	

**QUẢN TRỊ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

<b>4.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>		<b>12</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	
<b>4.1.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>8</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
35	DE2018	Nhập môn quản lý dự án	2	0	0	2	2	0	
36	DE2129	Mô hình phát triển dự án	2	0	0	2	2	0	
37	DE2126	Lập dự án đầu tư	1	1	0	2	2	0	
38	DE2022	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	1	0	2	2	0	
39	DE2131	Thiết kế website	2	1	0	3	3	0	
40	DE2130	Đề án 3	0	1	0	1	1	0	
<b>4.1.2</b>	<b>Học phần tự chọn(4 TC)</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
41	DE2133	Mạng máy tính	1	1	0	2	0	2	
42	DE2019	Cơ sở lập trình	1	1	0	2	0	2	
43	DE2127	Quản lý truyền thông dự án	2	0	0	2	0	2	
44	DE2052	Thương mại điện tử cơ bản	2	0	0	2	0	2	
45	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
46	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
<b>4,2</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành</b>		<b>11</b>	<b>9</b>		<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	
<b>4.2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>8</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	
46	DE2139	Quản lý rủi ro dự án	2	1	0	3	3	0	
47	DE2138	Quản lý chất lượng dự án	2	1	0	3	3	0	
48	DE2137	Quản trị đấu thầu dự án	2	1	0	3	3	0	
49	DE2136	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	2	1	0	3	3	0	
50	DE2140	Đề án 4	0	1	0	1	1	0	
51	DE2141	Đề án 5	0	1	0	1	1	0	
<b>4.2</b>	<b>Học phần tự chọn(6 TC)</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
52	DE2135	Quản lý hợp đồng	1	1	0	2	0	2	
53	DE2142	Công nghệ website	1	1	0	2	0	2	

54	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
55	DE2134	Chuyên đề 1	2	0	0	2	0	2	
56	DE2143	Chuyên đề 2	2	0	0	2	0	2	
57	NIS2002	An toàn và bảo mật thông tin	2	0	0	2	0	2	
<b>QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH SỐ</b>									
<b>IV.1</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>		<b>15</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>11</b>	<b>1</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
35	DE2103	Nhập môn Tài chính số	2	0	0	2	2	0	
36	DE2106	Kế toán quản trị	2	0	0	2	2	0	
37	DE2104	Phân tích báo cáo tài chính	2	0	0	2	2	0	
38	DE2105	Cơ sở dữ liệu tài chính	2	0	0	2	2	0	
39	DE2110	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	0	0	3	3	0	
40	DE2107	Đề án 3-Phân tích báo cáo và dữ liệu tài chính	0	1	0	1	1	0	
	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
41	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
42	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
43	DE2022	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	1	0	2	0	2	
44	DE2108	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	0	0	2	0	2	
45	DE2109	Lập trình Python	2	0	0	2	0	2	
46	DE2111	Kiểm toán căn bản	2	0	0	2	0	2	
47	DE2112	Chuyên đề 1_Tiền số và công nghệ blockchain	2	0	0	2	0	2	
<b>4.2</b>	<b>Khối kiến thức chuyên sâu chuyên ngành</b>		<b>15</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	
<b>4.2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	
48	DE2113	Đầu tư tài chính	2	0	0	2	2	0	
49	DE2114	Phân tích tài chính doanh nghiệp	2	0	0	2	2	0	
50	DE2115	Quản trị rủi ro tài chính	2	0	0	2	2	0	

51	DE2116	Hệ thống thanh toán quốc tế	2	0	0	2	2	0	
52	DE2117	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	2	0	0	2	2	0	
53	DE2118	Quản trị ngân hàng thương mại	2	0	0	2	2	0	
54	DE2119	Đề án 4_Phân tích tài chính doanh nghiệp	0	1	0	1	1	0	
55	DE2120	Đề án 5_Dữ liệu lớn trong tài chính	0	1	0	1	1	0	
<b>4.2.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
56	DE2121	Ứng dụng phần mềm tài chính	1	1	0	2	0	2	
57	DE2122	Phát triển ứng dụng tài chính trên Python	1	1	0	2	0	2	
58	DE2123	An toàn bảo mật thông tin tài chính	1	1	0	2	0	2	
59	DE2052	Thương mại điện tử cơ bản	2	0	0	2	0	2	
60	DE2124	Quản trị tài chính quốc tế	2	0	0	2	0	2	
61	DE2125	Chuyên đề 2_Đổi mới sáng tạo trong tài chính	2	0	0	2	0	2	
<b>V</b>	<b>Thực tập và luận văn tốt nghiệp</b>		<b>0</b>	<b>10</b>		<b>10</b>	<b>10</b>		
62	DE3001	Thực tập tốt nghiệp	0	2	0	2	2	0	
63	DE3002	Luận văn tốt nghiệp	0	8	0	8	8	0	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>102</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>125</b>	<b>115</b>	<b>10</b>	



